TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2019.
"V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thận.
2. Ông Nguyễn Quang Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 331/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019, "V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng; Sinh năm: 1994 (có mặt)
HKTT: Số 69, ấp B 1, xã G, huyện Tr, tỉnh TN.

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn T; Sinh năm: 1992 (vắng mặt)
HKTT: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu chung sống hạnh đến tháng 3/2018 chị và anh T về Bình Phước sinh sống thì anh T bắt đầu tụ tập bạn bè uống rượu, không chăm lo gia đình. Sau khi uống rượu anh T nhiều lần chửi bới và đe dọa đánh đập chị, được gia đình hai bên nhiều lần khuyên can nhưng anh T không thay đổi. Từ tháng 3/2019 chị mang con về nhà mẹ ruột tại xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh sinh sống và đi làm công ty may cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh T không thăm hỏi, quan tâm chị. Hiện nay vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Đoàn Nguyễn Mỹ K, sinh ngày 28/11/2017. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về sản, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2018 bị đơn anh Đoàn Văn T trình bày:

Anh xác nhận về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như chị Ng trình bày là đúng; Anh cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống. Anh và chị sống ly thân từ tháng 5/2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ng; Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, xin không tham gia phiên tòa.

Về con chung: Anh và chị có 01 con chung là Đoàn Nguyễn Mỹ K, sinh ngày 28/11/2017. Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về sản, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh T tự nguyện chung sống, kết hôn với nhau từ năm 2016, đăng ký và được Uỷ ban nhân xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2016, ký ngày 06/10/2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn; theo chị Tuyền nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, anh T thường rượu chè bỏ bê gia đình. Chị Ng và anh T sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không hàn gắn, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau; Bản thân anh T không có nguyện vọng hòa giải để đoàn tụ gia đình mà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ng. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ng và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng đối với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Ng và anh T có 01con chung là Đoàn Nguyễn Mỹ K, sinh ngày 28/11/2017. Chị Ng đề nghị được trực tiếp nuôi con sau ly hôn vì cháu K hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, ngoài ra từ khi sống ly thân cháu K sống cùng với chị. Anh T đồng ý để chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo yêu cầu của chị Ng, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung cho chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[3] Về tài sản, nợ chung: Chị Ng và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đoàn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung của chị Ng và anh T là Đoàn Nguyễn Mỹ K, sinh ngày 28/11/2017, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009267 ngày 02/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Gia Bình;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Huệ